CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP EVN Quốc tế

Ngày 30/06/2025	21,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-8.1%	**-6.1%**	**0.5%**

DT thuần
Q2/25
0.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.32| -61.9%
YoY: ▼2.97| -78.5%

LN thuần
Q2/25
42.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.0|
YoY: ▲ 20.9| 98.8%

LN sau thuế
Q2/25
42.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.0|
YoY: ▲ 20.9| 98.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
5143%
YoY: +/-▲ 5142%

ROE (TTM)
Q2/25
17.1%
YoY: +/-▲ 4.7%

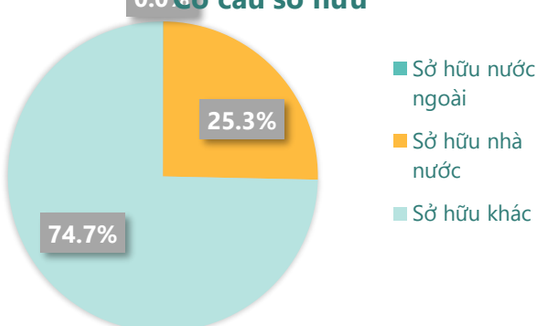
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,949 - 24,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	789
Số lượng CPLH (CP)	36,677,145
KLGD BQ 20 phiên (CP)	715
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.58
EPS	1,961
P/E	11.0

DT thuần
6T 2025
2.96
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.07| -26.6%

LN thuần
6T 2025
42.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.9| 98.7%

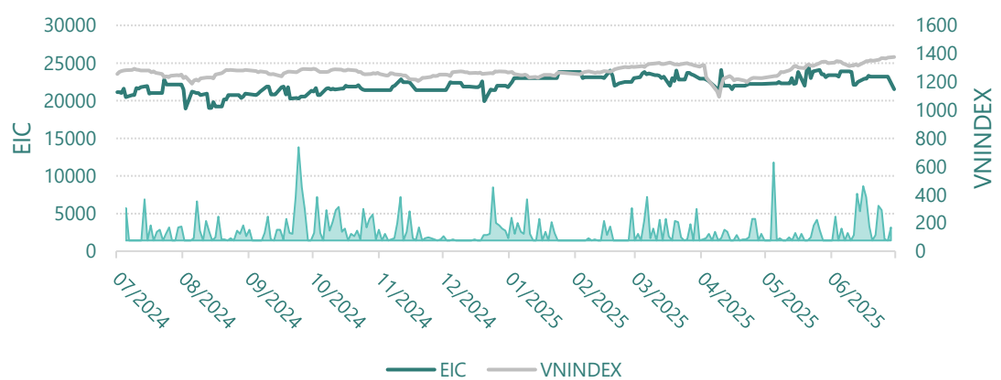
LN sau thuế
6T 2025
42.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.8| 98.4%

Cơ cấu sở hữu

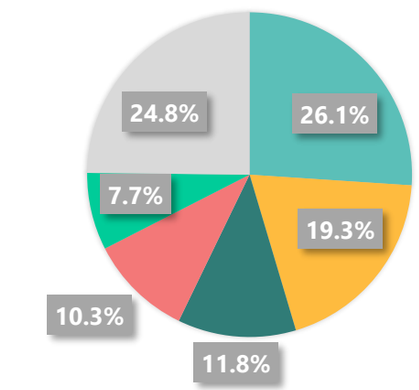


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

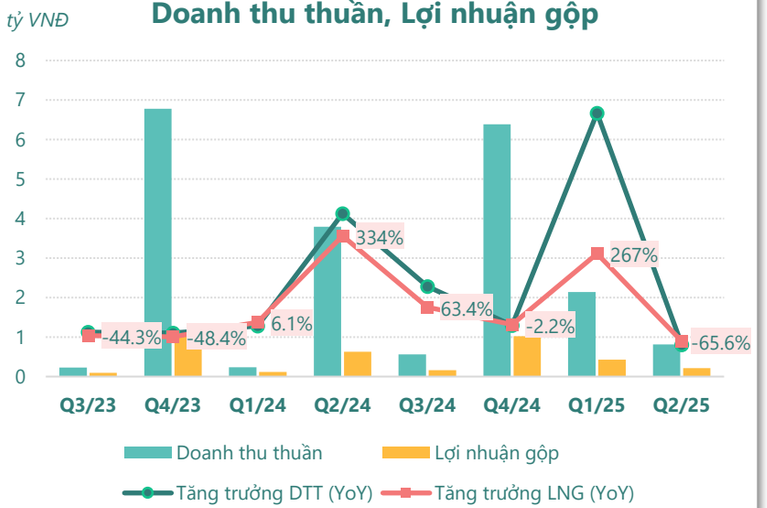


- Tổng Công ty Phát điện 1
- CTCP Nhiệt điện Phả Lại
- Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP
- Ngân hàng TMCP An Bình
- Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

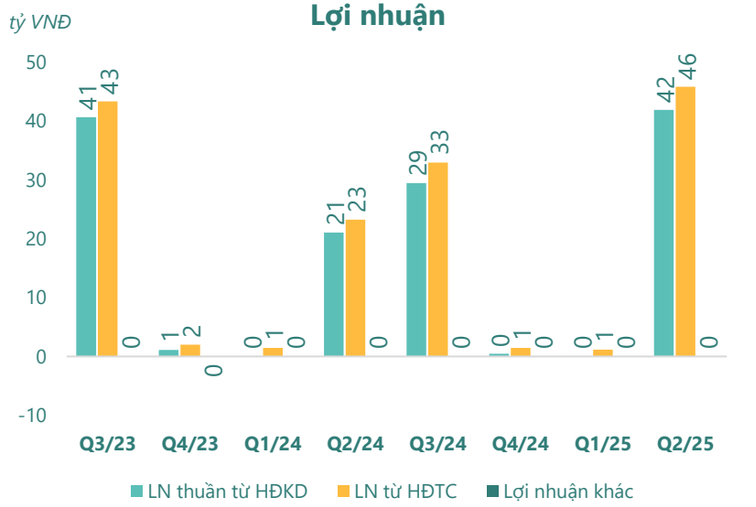
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



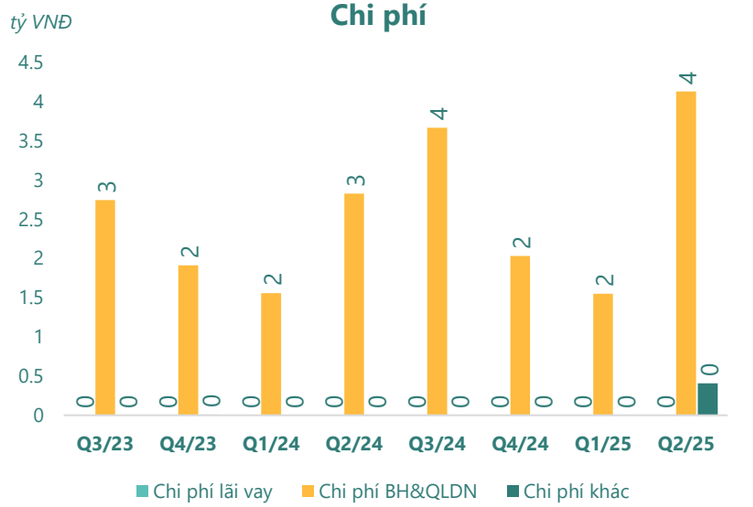
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



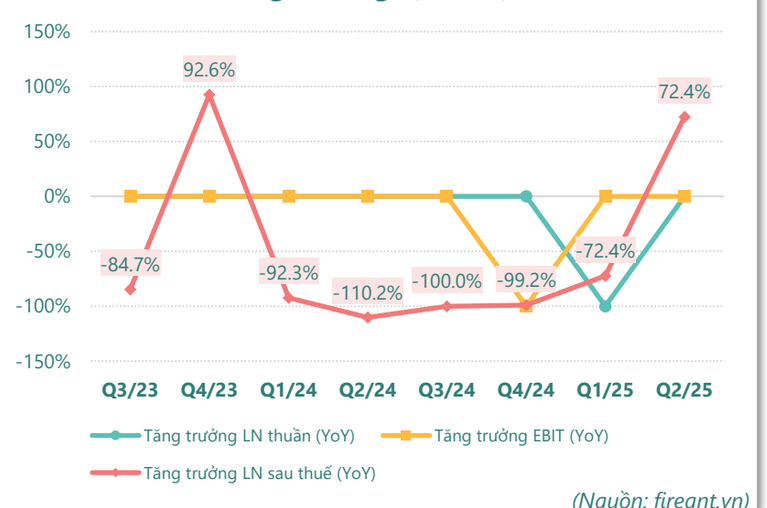
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



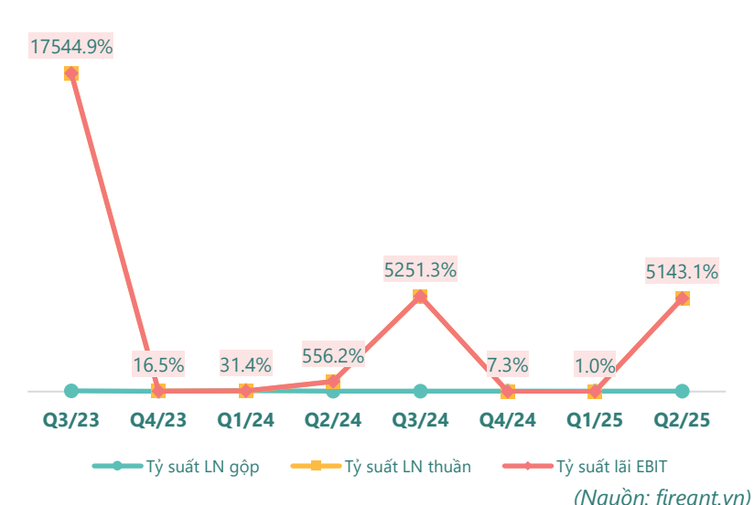
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



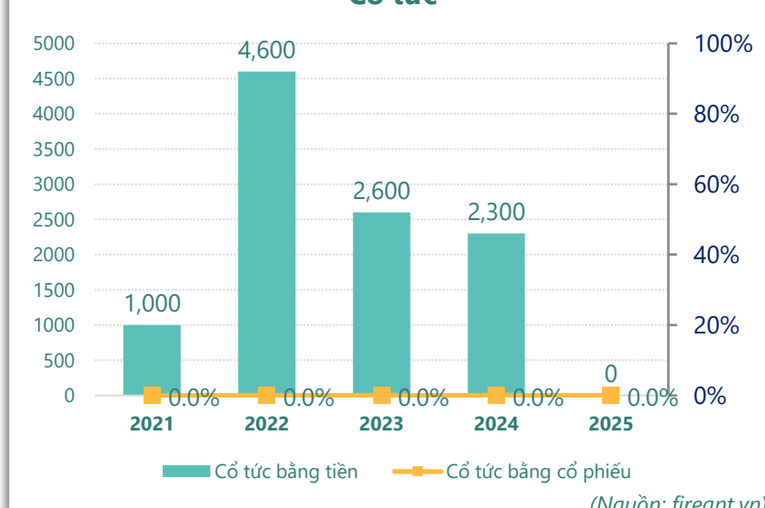
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

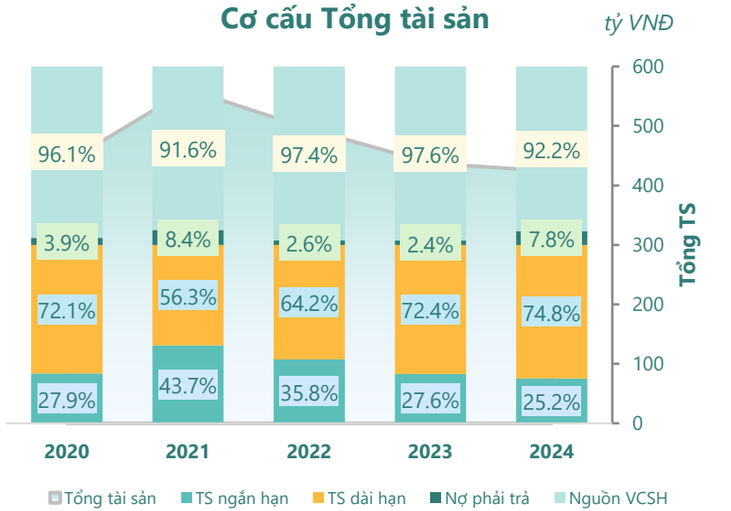
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

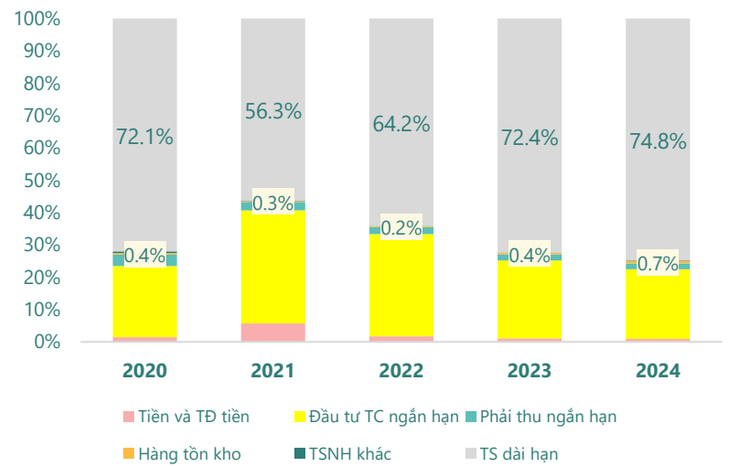
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



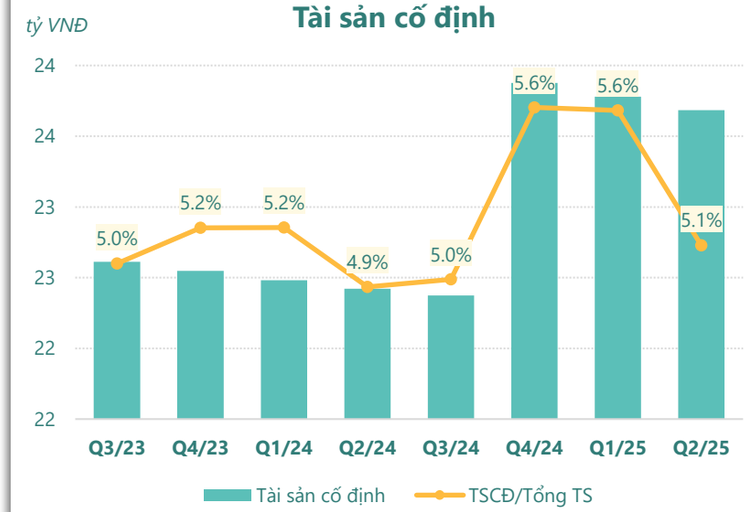
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



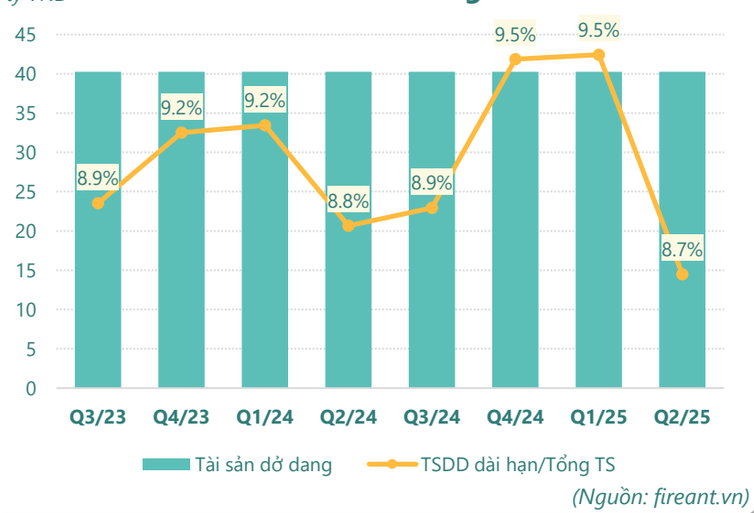
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



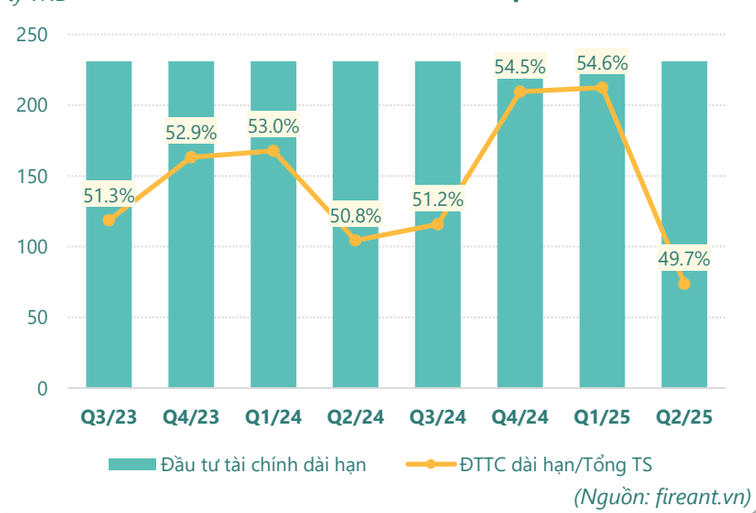
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



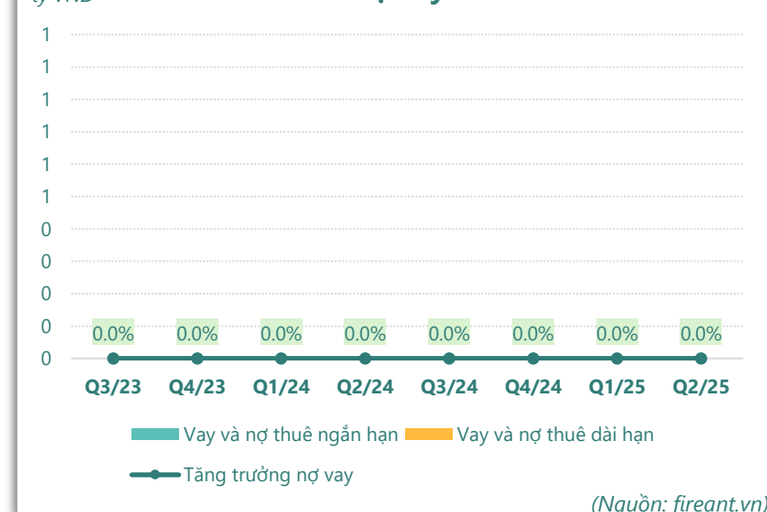
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

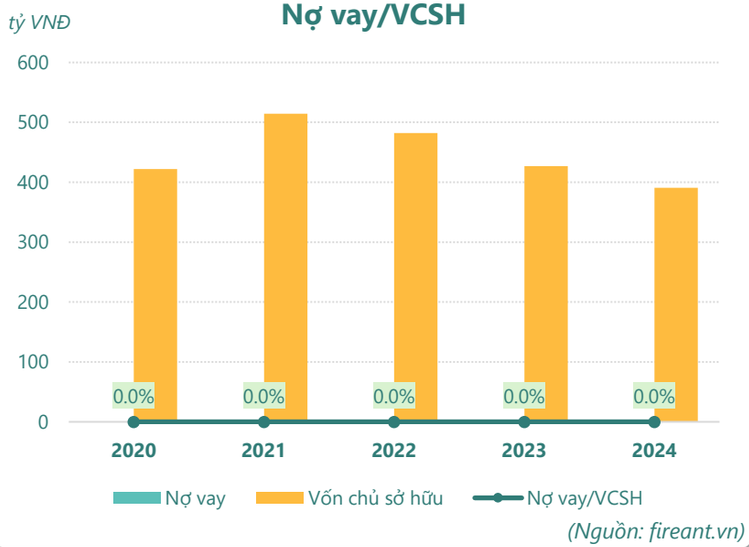
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

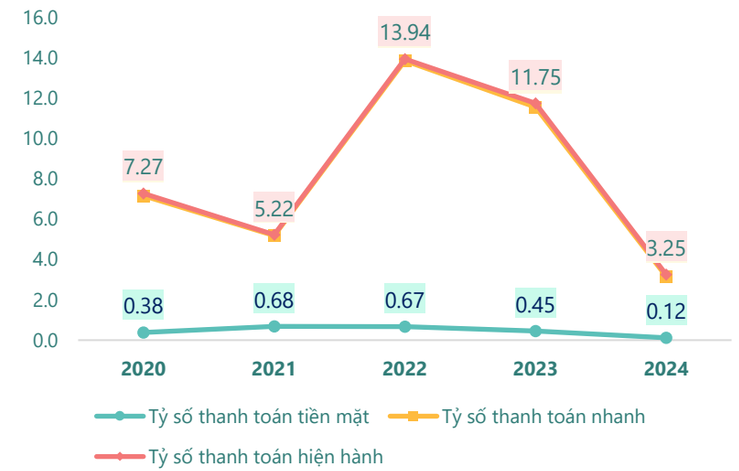
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



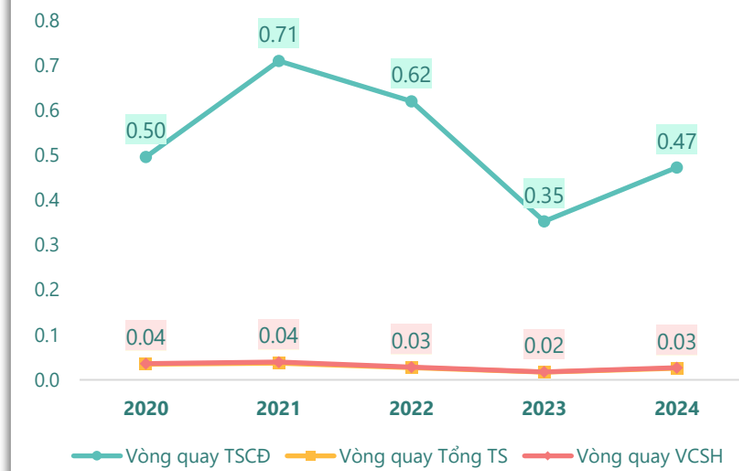
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



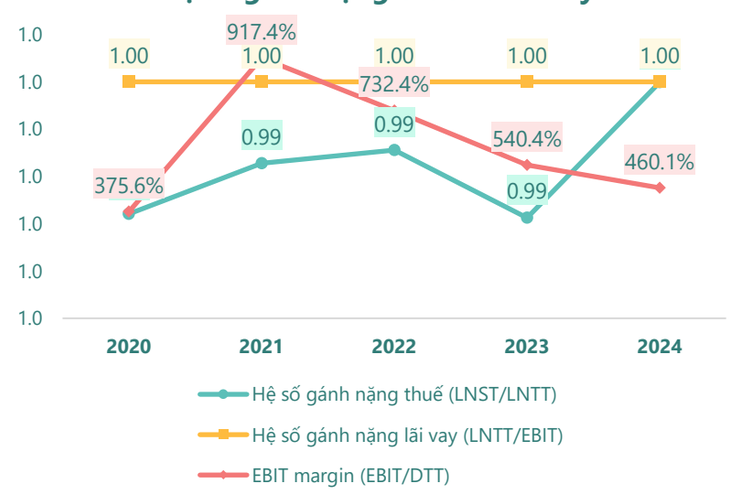
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



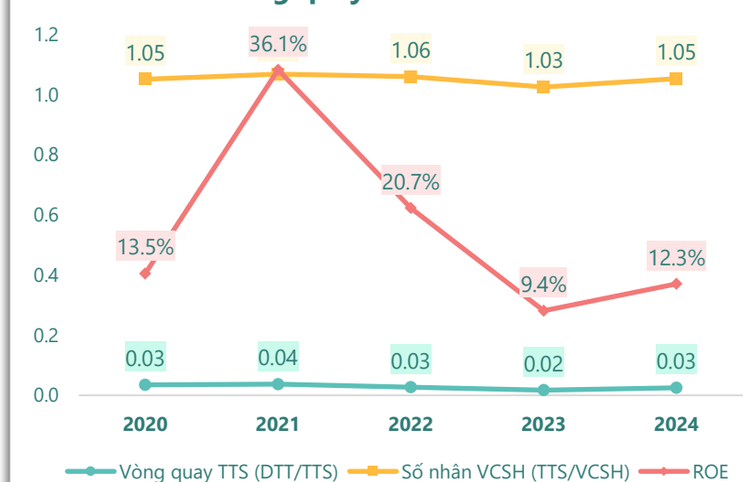
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



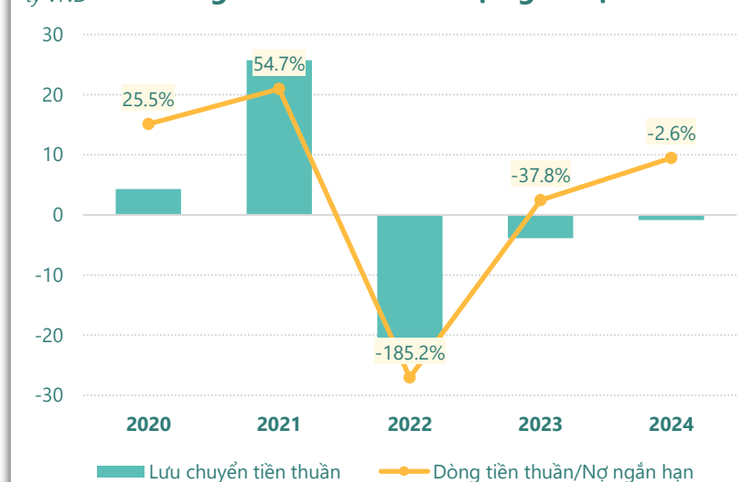
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.82**	**3.79**	**-78.5%**	**2.96**	**4.03**	**-26.6%**
Giá vốn hàng bán	0.60	3.16	-81.0%	2.32	3.29	-29.5%
Lợi nhuận gộp	0.22	0.63	-65.9%	0.64	0.74	-13.4%
Doanh thu HĐTC	53.1	26.8	98.2%	54.3	28.3	91.8%
Chi phí TC	7.24	3.53	105%	7.24	3.53	105%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**4.13**	**2.83**	**45.9%**	**5.68**	**4.39**	**29.5%**
LN thuần từ HĐKD	42.0	21.1	98.8%	42.0	21.1	98.7%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**	**0.04**	**-100.0%**
LN trước thuế	42.0	21.1	98.8%	42.0	21.2	98.4%
Lợi nhuận sau thuế	**42.0**	**21.1**	**98.8%**	**42.0**	**21.2**	**98.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**42.0**	**21.1**	**98.8%**	**42.0**	**21.2**	**98.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.77	-1.13	-5.14	-4.30	-1.52	-3.31
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.14	2.88	45.0	23.6	1.72	3.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.12	-3.10	-33.1	-24.8	-0.84	-0.23
Tiền đầu kỳ	4.67	3.93	2.58	9.31	3.82	3.18
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.75**	**-1.35**	**6.73**	**-5.49**	**-0.64**	**-0.49**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	3.93	2.58	9.31	3.82	3.18	2.69

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**465**	**424**	**9.8%**
Tài sản ngắn hạn	149	107	39.6%
Tiền và tương đương tiền	2.69	3.82	-29.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	132	91.2	44.7%
Phải thu ngắn hạn	7.93	7.92	0.0%
Hàng tồn kho	5.94	3.02	97.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	0.85	-39.6%
Tài sản dài hạn	**316**	**317**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	23.7	23.9	-0.8%
Bất động sản đầu tư	21.1	21.2	-0.3%
Tài sản dở dang	40.3	40.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	231	231	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0.20**	**0.51**	**-61.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	35.6	32.9	8.2%
Nợ ngắn hạn	**35.5**	**32.8**	**8.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.51	0.52	-2.4%
Nợ dài hạn	0.02	0.04	-41.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**430**	**391**	**10.0%**
Vốn chủ sở hữu	**430**	**391**	**10.0%**
Vốn điều lệ	367	367	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)